**PHỤ LỤC A**

(Quy định)

**Trình bày các kết quả**

**A.1. Mô tô**

Loại: hai bánh/ba bánh (gạch bỏ đi loại không áp dụng)

Tên thương mại (nhãn hiệu):

Mẫu (model):

Mẫu động cơ:

Số kỳ: hai kỳ/bốn kỳ (gạch bỏ đi loại không áp dụng)

Số xylanh và bố trí các xylanh:

Dung tích làm việc của động cơ: ……………………………………………………………………. cm3

Hộp số: điều khiển tay/tự động (gạch bỏ đi loại không áp dụng)

Hệ thống không khí phụ: có/không (gạch bỏ đi loại không áp dụng)

Các bộ phận khác, nếu có bất cứ thay đổi nào

**A.2. Dụng cụ phân tích phát thải chất khí**

Tên thương mại (nhãn hiệu)

Mẫu (model):

**A.3. Điều kiện thử**

Khí hậu

Nhiệt độ xung quanh môi trường thử:…………………………………………………………………. K

Nhiệt độ bề mặt của đầu bulông lỗ tháo dầu (chỉ đối với động cơ 4 kỳ) ………………………….. K

**A.4. Kết quả đo**

Vận tốc chạy không tải do nhà sản xuất quy định: ……………………………………………….. min-1

Vận tốc đo được của động cơ: …………………………….………………………………………... min1

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Giá trị nhỏ nhất đo được | Giá trị lớn nhất đo được | Giá trị trung bình cộng |
| COa ………………. % thể tíchHCab ……………. ppm thể tích | ………………. % thể tích……………. ppm thể tích | ………………. % thể tích……………. ppm thể tích |

Chỉ dành cho động cơ được kết hợp với hệ thống không khí phụ:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Giá trị nhỏ nhất đo được | Giá trị lớn nhất đo được | Giá trị trung bình cộng |
| COa ………………. % thể tíchCO2a ………………. % thể tíchHCab ……………. ppm thể tích | ………………. % thể tích………………. % thể tích……………. ppm thể tích | ………………. % thể tích………………. % thể tích……………. ppm thể tích |

Nếu các giá trị đo được hiệu chỉnh, phương pháp hiệu chỉnh:

Giá trị trung bình cộng được hiệu chỉnh

COa ………………. % thể tích

HCab ……………. ppm thể tích

a Gạch bỏ phần không áp dụng;

b Đại lượng n-hexan/đại lượng metan (gạch bỏ phần không áp dụng).